TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2023/DS-ST
Ngày 15-6-2023
V/v Tranh chấp hụi, Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Len
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Hận
Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thơi: Bà Võ Hồng Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hụi, hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 173/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, Sinh năm: 1974 (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C
- *Bị đơn:* 1. Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1978 (vắng mặt)
2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 (có mặt)
Cùng địa chỉ cư trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị N trình bày:

Bà làm chủ hụi mở các dây hụi cụ thể như sau:

Hụi mở ngày 21/8/2021 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng gồm 34 phần, mỗi tháng khui một lần, trong đó ông B1, bà T tham gia 02 chưng ở vị trí số 9, 10 ghi "T B". Trong quá trình chơi hụi thì ông B1, bà T hốt hết hai chưng, khi giao hụi thì hụi viên có ký nhận tiền hụi. Đến kỳ mở hụi tháng 3/2022 âm lịch thì phía ông B1, bà T không đóng hụi cho bà, việc hụi viên không đóng hụi cho bà bà có sổ theo dõi, tính đến mãn hụi (ngày 21/5/2024 âm lịch) thì phía hụi viên ông B1, bà T còn thiếu bà 27 kỳ hụi chết của hai chưng hụi bằng số tiền 270.000.000 đồng.

Dây hụi mở ngày 09/9/2019 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, hụi gồm có 39 chưng, một tháng khui một lần, ông B1, bà T tham gia 01 chưng ở vị trí số 39 ghi "T B". Trong quá trình chơi hụi thì ông B1, bà T hốt hụi, khi giao hụi thì hụi viên có ký nhận tiền hụi, bà T ông B1 đóng hụi chết đến tháng 4/2022 âm lịch thì không đóng nữa. Hiện tại hụi đã mãn (ngày 09/10/2022 âm lịch), chưng hụi của dây hụi này thì ông B1, bà T còn thiếu bà 7 kỳ số tiền 14.000.000 đồng.

Tổng các chưng hụi của hai dây hụi trên thì phía ông B1, bà T còn thiếu bà 284.000.000 đồng.

Vào ngày 28/11/2021 âm lịch ông B1, bà T vay bà 50.000.000 đồng có biên nhận, lãi suất 3.500.000 đồng/tháng, phía ông B1, bà T đã đóng lãi được 02 tháng, đến nay không đóng tiếp. Nay bà yêu cầu phía ông B1, bà T trả bà tiền vay 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định 20%/năm trên số tiền 50.000.000 đồng bằng số tiền 6.680.000 đồng (tính từ ngày 28/02/2022 âm lịch đến ngày 28/9/2022 âm lịch là 08 tháng).

Như vậy bà yêu cầu ông B1, bà T trả tiền hụi thiếu và tiền vay 340.680.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà thừa nhận vợ chồng bà có tham gia hụi do bà N làm chủ hụi như bà N trình bày là đúng cụ thể:

Hụi mở ngày 21/8/2021 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng gồm 34 phần, mỗi tháng khui một lần, trong đó vợ chồng bà T tham gia 02 chưng và đã hốt hết hai chưng. Vợ chồng bà không đóng hụi cho bà N đến kỳ mở hụi tháng 3/2022 âm lịch, tính đến mãn hụi (ngày 21/5/2024 âm lịch) vợ chồng bà T còn thiếu bà 27 kỳ hụi chết của hai chưng hụi bằng số tiền 270.000.000 đồng.

Dây hụi mở ngày 09/9/2019 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, hụi gồm có 39 chưng, một tháng khui một lần, vợ chồng bà T tham gia 01 chưng và đã hốt hụi, vợ chồng bà đóng hụi chết đến tháng 4/2022 âm lịch thì không đóng nữa. Hiện tại hụi đã mãn (ngày 09/10/2022 âm lịch), chưng hụi của dây hụi này thì vợ chồng bà còn thiếu bà N 6 kỳ số tiền 12.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Bà Lê Thị N trình bày: Bà thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đối với dây hụi mở ngày 21/8/2021 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng, bà yêu cầu ông B1, bà T trả tiền hụi chết chưa đóng đến khi xét xử sơ thẩm là 15 kỳ của 02 chưng bằng 150.000.000 đồng. Còn 12 kỳ hụi chết, do chưa đến thời hạn đóng hụi trường hợp ông B1, bà T không đóng hụi đúng hạn thì bà khởi kiện thành vụ án khác.

Đối với dây hụi mở ngày 09/9/2019 âm lịch loại hụi 2.000.000 đồng bà thống nhất với lời trình bày của bà T, bà chỉ yêu cầu ông B1, bà T trả 6 kỳ hụi chết chưa đóng bằng 12.000.000 đồng.

Bà yêu cầu tổng cộng tiền hụi và tiền vay ông B1, bà T phải trả 218.680.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà đồng ý trả số tiền thiếu theo yêu cầu của bà N 218.680.000 đồng, nhưng hoàn cảnh khó khăn bà không có tiền trả một lần.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà N, bà T đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Ông B1 không thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N, buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn B1 trả số tiền 218.680.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, phần tranh luận, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng:

[1] *Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn B1 trả tiền hụi, vay; bà T, ông B1 có nơi cư trú tại huyện Văn Thời, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là tranh chấp hụi, hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại Điều 463, 471, Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Vắng mặt của đương sự:* Đương sự ông Nguyễn Văn B1 đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông B1 là đúng quy định.

- Về nội dung:

[3] Theo bà N trình bày bà có mở hụi ông B1, bà T tham gia cụ thể:

Hụi mở ngày 21/8/2021 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng gồm 34 phần, mỗi tháng khui một lần, trong đó ông B1, bà T tham gia 02 chưng và đã hốt hết hai chưng và đã đóng hụi đến kỳ mở hụi tháng 3/2022 âm lịch thì phía ông B1, bà T không đóng hụi cho bà, tính đến mãn hụi (ngày 21/5/2024) thì ông B1, bà T còn thiếu bà 27 kỳ. Tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu bà yêu cầu ông B1, bà T trả tiền hụi chết chưa đóng đến khi xét xử sơ thẩm là 15 kỳ của 02 chưng bằng 150.000.000 đồng. Còn 12 kỳ hụi chết, do chưa đến thời hạn đóng hụi trường hợp ông B1, bà T không đóng hụi đúng hạn thì bà khởi kiện thành vụ án khác.

Dây hụi mở ngày 09/9/2019 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, hụi gồm có 39 chưng, một tháng khui một lần, ông B1, bà T tham gia 01 chưng và hốt xong hụi, bà T ông B1 đóng hụi chết còn thiếu 6 kỳ số tiền 12.000.000 đồng.

Vào ngày 28/11/2021 âm lịch ông B1, bà T vay bà 50.000.000 đồng có biên nhận, lãi suất 3.500.000 đồng/tháng, phía ông B1, bà T đã đóng lãi được 02 tháng, đến nay không đóng tiếp. Nay bà yêu cầu phía ông B1, bà T trả bà tiền vay 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định số tiền 6.680.000 đồng (tính từ ngày 28/02/2022 âm lịch đến ngày 28/9/2022 âm lịch là 08 tháng).

Bà yêu cầu tổng cộng tiền hụi và tiền vay ông B1, bà T phải trả 218.680.000 đồng.

Đối với bà T xác định vợ chồng bà có tham gia hụi các dây hụi và vay tiền của bà N như bà N trình bày là đúng, bà đồng ý trả tiền thiếu theo yêu cầu của bà N, tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn không có tiền trả một lần.

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng việc bà N làm chủ hụi mở hụi và bà T, ông B1 tham gia hụi và vay tiền như bà N trình bày là thực tế có xảy ra được các bên thừa nhận.

Xét chưng hụi mở ngày 21/8/2021 âm lịch loại hụi 5.000.000 đồng đến kỳ mở hụi 21/5/2024 âm lịch mới mãn. Tuy nhiên phía bà T, ông B1 chỉ vi phạm nghĩa vụ đóng hụi từ tháng 3/2022 âm lịch đến khi xét xử sơ thẩm là 15 kỳ hụi chết. Do đó buộc ông B1, bà T trả cho bà N 15 kỳ hụi chết, còn lại 12 kỳ hụi chết đến khi mãn nếu ông B1, bà T không thanh toán đúng hạn thì bà N có quyền khởi kiện bà T, ông B1 thành vụ kiện khác. Số tiền của dây hụi này bà T, ông B1 phải trả cho bà N 15 kỳ x 5.000.000 đồng/kỳ x 2 chưng = 150.000.000 đồng.

Đối dây hụi mở ngày 09/9/2019 âm lịch bà T, ông B1 thiếu bà N sáu kỳ hụi chết, do đó buộc bà T, ông B1 trả cho bà N 6 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ x 01 chưng = 12.000.000 đồng.

Đối với số tiền ông B1, bà T vay bà N 50.000.000 đồng phía ông B1, bà T đã đóng lãi được 02 tháng. Bà N yêu cầu phía ông B1, bà T trả bà tiền vay 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định số tiền 50.000.000 đồng x 20%/năm x 8 tháng = 6.668.000 đồng (tính từ ngày 28/02/2022 âm lịch đến ngày 28/9/2022 âm lịch là 08 tháng) bà T đồng ý.

[5] Số tiền hụi bà T, ông B1 phải trả cho bà N là 150.000.000 đồng + 12.000.000 đồng = 162.000.000 đồng.

Tiền vay 50.000.000 đồng + 6.680.000 đồng = 56.680.000 đồng.

Như vậy tiền hụi và tiền vay bà T, ông B1 phải trả = 218.680.000 đồng.

[6] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N buộc bà T, ông B1 trả tiền hụi, vay là 218.680.000 đồng là phù hợp, đúng quy định Điều 466, 468 và 471 Bộ luật dân sự; Điều 16, 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời có căn cứ được chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận khởi kiện của bà N, bà N không phải chịu án phí sơ thẩm được nhận lại 8.517.000 đồng. Bà T, ông B1 phải chịu án phí 10.934.000 đồng (làm tròn) theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 và 471 Bộ luật dân sự; Điều 16, 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N đối với bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn B1. Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn B1 có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị N số tiền 218.680.000 đồng *(Hai trăm mười tám triệu, sáu trăm tám chục ngàn đồng).*

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T, ông B1 không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn B1, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch 10.934.000 đồng đồng (Chưa nộp);

Bà Lê Thị N được nhận lại tiền tam ứng án phí lệ phí Tòa án số tiền 8.517.000 đồng tại Biên lai số 0006242 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Len